PHÁP LUẬT VỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRONG PHÒNG NGỪA TÁC ĐỘNG TIÊU CỰC CỦA TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM

PHẠM NHẬT LINH CHI
LÊ THỊ MINH HẰNG
NGUYỄN VIỆT VƯƠNG
SV. Khoa Pháp luật kinh tế,
Trường Đại học Luật Hà Nội

Nhận bài ngày 04/6/2025. Phản biện và sửa chữa xong ngày 03/7/2025. Duyệt đăng 08/7/2025.

Abstract

Amid the pervasive advance of artificial intelligence, the technology's considerable economic and social benefits are accompanied by latent risks of environmental harm. These potential negative externalities necessitate an urgent and robust legal response, centered on preventing adverse environmental impacts from AI systems. This article undertakes a doctrinal analysis of the Vietnamese legal framework governing environmental impact assessment and evaluates its effectiveness as the state's primary preventive instrument for controlling AI-related environmental risks.

Keywords: *Artificial intelligence, environment, environmental protection, environmental impact assessment, Vietnam.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển và ứng dụng sâu rộng của AI đang tạo ra những gánh nặng môi trường đáng kể. Theo ghi nhận của Chương trình Môi trường Liên Hợp Quốc, các trung tâm dữ liệu cần thiết cho việc vận hành AI là một trong những nguồn phát sinh rác thải điện tử chính. Bên cạnh đó, quá trình hoạt động của AI đòi hỏi sự tiêu tốn nguồn năng lượng khổng lồ cùng nhiều loại khoáng sản, nguyên tố đất hiếm. Đáng chú ý, hoạt động khai thác các tài nguyên này, vốn là đầu vào thiết yếu cho phần cứng AI, thường thiếu tính bền vững, qua đó góp phần làm suy kiệt các nguồn tài nguyên không thể tái tạo vốn đã khan hiếm [2], [5]. Mức tiêu thụ điện năng lớn của AI cũng trực tiếp làm gia tăng lượng phát thải khí nhà kính, trở thành một yếu tố thúc đẩy biến đổi khí hậu toàn cầu [1], [2], [3]. Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc xây dựng các cơ chế nhằm kiểm soát hữu hiệu những tác động tiêu cực của AI đối với môi trường. Các cơ chế này cần được tiếp cận một cách đồng bộ, từ các công cụ kinh tế, kỹ thuật đến các biện pháp giáo dục và đặc biệt là công cụ pháp luật. Trong công cụ pháp lý, việc thiết lập và thực thi chế độ trách nhiệm pháp lý đối với các hành vi gây tổn hại cho môi trường được xem là một trong những giải pháp nền tảng, có vai trò răn đe, phòng ngừa và khắc phục hậu quả.

Trong nỗ lực kiểm soát những ảnh hưởng của AI đến môi trường, phương diện pháp lý nền tảng cần được nghiên cứu đầu tiên là các quy định về phòng ngừa tác động tiêu cực. Trong nhóm quy định về phòng ngừa các tác động tiêu cực đối với BVMT, pháp luật các quốc gia trên thế giới cũng như Việt Nam thường đề cập đến các quy định mang tính nguyên tắc trong phòng ngừa, quy định về đánh giá tác động môi trường (ĐTM), các quy định pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật

(*) Bài viết này được phản biện bởi PGS.TS. Vũ Thị Duyên Thủy, Bộ môn Luật Môi trường – Khoa Pháp luật Kinh tế, Trường Đại học Luật Hà Nội.

Email: linhchi7404@gmail.com.

môi trường, quy định về phòng ngừa sự cố môi trường,... Trong phạm vi bài viết này, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu và làm rõ thực trạng pháp luật về phòng ngừa tác động tiêu cực của AI tới BVMT trong hoạt động ĐTM tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quy định về đánh giá tác động môi trường theo pháp luật môi trường Việt Nam

ĐTM là một công cụ quan trọng, được áp dụng rộng rãi trong pháp luật BVMT của nhiều quốc gia. Tại Hoa Kỳ hay Liên minh Châu Âu, nghĩa vụ ĐTM được đặt ra với trước khi phê duyệt các dự án đầu tư. Tại các quốc gia đang phát triển, ĐTM còn được coi là công cụ hỗ trợ các nhà đầu tư hoạch định chiến lược kinh doanh bền vững. Đây cũng là cách để bảo đảm quyền lợi của các cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng từ dự án. Bắt kịp xu hướng của các quốc gia, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 lần đầu tiên đặt ra khung pháp lý cho các chủ dự án đầu tư thực hiện ĐTM trước khi triển khai dự án trên thực tế, sau đó dần được củng cố, hoàn thiện cho tới Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, mục tiêu chính của ĐTM là "phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường"[1]. Thông qua ĐTM, các chủ dự án và cơ quan quản lý có thể dự báo và lập kế hoạch nhằm phòng ngừa các tác động tiêu cực từ dự án, đặc biệt trong bối cảnh sự ứng dụng sâu rộng AI vào các dự án hiện nay.

Nghĩa vụ ĐTM được quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, nhằm xác định và giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án đầu tư đối với môi trường. Theo khoản 1 Điều 28, việc phân loại dự án để thực hiện ĐTM dựa trên các tiêu chí bao gồm: "quy mô, công suất, loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ; diện tích sử dụng đất, đất có mặt nước và biển; quy mô khai thác tài nguyên thiên nhiên; cùng với các yếu tố nhạy cảm về môi trường [...]". Các dự án, tuỳ theo phân loại của quy định pháp luật, sẽ phải thực hiện một hoặc một số các thủ tục, báo cáo khác nhau liên quan đến đánh giá môi trường, bao gồm: đánh giá sơ bộ tác động môi trường, ĐTM, giấy phép môi trường và đăng ký môi trường. Về phân loại dự án để xem xét ĐTM, theo quy định pháp luật Việt Nam, các dự án được chia thành bốn nhóm chính, lần lượt theo khoản 3, 4, 5, 6 Điều 28. Nhóm I bao gồm các dự án đầu tư sản xuất có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao, vốn đòi hỏi quy trình ĐTM chi tiết và nghiêm ngặt. Nhóm II bao gồm các dự án có nguy cơ tác động môi trường ở mức độ vừa phải, với yêu cầu ĐTM ít khắt khe hơn. Nhóm III bao gồm các dự án ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, thường là các dự án nhỏ lẻ, và nhóm IV là các dự án không có nguy cơ tác động xấu đến môi trường, chẳng hạn như các hoạt động thương mại dịch vụ nhỏ, không đòi hỏi thực hiện ĐTM.

Xét từ góc độ của các dự án, nghĩa vụ ĐTM được quy định cụ thể trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 cũng như Nghị định của Chính phủ số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường số 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản khác, bao gồm: 1) Thực hiện báo cáo ĐTM, 2) Thực hiện tham vấn môi trường, 3) Thẩm định báo cáo ĐTM, 4) Thay đổi sau thẩm định báo cáo ĐTM.

Đối với hoạt động thực hiện báo cáo ĐTM, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định ĐTM do chủ đầu tư (hoặc đơn vị tư vấn đủ điều kiện) thực hiện đồng thời với báo cáo nghiên cứu khả thi; kết quả thể hiện bằng một báo cáo ĐTM[2]. Nội dung cơ bản của báo cáo được quy định tại Điều 32, bao gồm thông tin chung về dự án (xuất xứ, chủ đầu tư, cơ quan phê duyệt, căn cứ pháp lý - kỹ thuật và phương pháp ĐTM sử dụng); sự phù hợp của dự án với quy hoạch môi trường; thuyết minh lựa chọn công nghệ, quy mô dự án có khả năng tác động môi trường; đánh giá hiện trạng môi trường, nhận dạng đối tượng và yếu tố nhạy cảm chịu tác động; dự báo các tác động chính và chất thải phát sinh

1) Khoản 7 Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
2) Khoản 1 Điều 31 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

theo từng giai đoạn; công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải;... Mỗi dự án lập một báo cáo ĐTM duy nhất, lập theo biểu mẫu tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Trong quá trình thực hiện báo cáo ĐTM, tham vấn môi trường là hoạt động quan trọng và phải được thể hiện trong báo cáo tác động môi trường của chủ đầu tư. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 33) quy định đối tượng tham vấn trong ĐTM gồm: cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp của dự án và các cơ quan, tổ chức liên quan trực tiếp đến dự án. Nội dung tham vấn bao gồm vị trí dự án, các tác động môi trường chính, biện pháp giảm thiểu, chương trình quản lý - giám sát, phương án ứng phó sự cố và các vấn đề khác liên quan.

Chủ dự án đầu tư, sau khi hoàn thành nội dung báo cáo ĐTM, có nghĩa vụ nộp hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo tới cơ quan có thẩm quyền. Căn cứ vào quy mô, phân loại dự án, cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo ĐTM có thể là Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác[3], và phải thành lập hội đồng thẩm định với những điều kiện về số lượng thành viên và tiêu chí khác theo pháp luật quy định[4]. Trong thời hạn luật định, hội đồng đánh giá từng nội dung ĐTM, bao gồm sự phù hợp với quy hoạch môi trường và quy định pháp luật, tính hợp lý của phương pháp đánh giá, mức độ chính xác trong nhận dạng tác động và mức độ khả thi của các biện pháp BVMT đề xuất. Toàn bộ quy trình được thực hiện công khai, trừ trường hợp dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định ĐTM, chủ dự án phải điều chỉnh báo cáo ĐTM cho phù hợp với các yêu cầu trong quyết định đó và thực hiện đầy đủ các biện pháp BVMT đã cam kết[5]. Trong quá trình thực hiện dự án (trước khi đưa vào vận hành chính thức), nếu có thay đổi lớn so với nội dung đã duyệt, chủ dự án phải thực hiện lại ĐTM hoặc điều chỉnh ĐTM tùy theo mức độ thay đổi, theo khoản 4 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, hướng dẫn bởi Nghị định 08/2022/NĐ-CP (đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

2.2. Đánh giá các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư có liên quan đến trí tuệ nhân tạo

Trên thực tế, các dự án đầu tư có liên quan đến AI về bản chất đều là các dự án sản xuất, phát triển, ứng dụng công nghệ, vì vậy đều thuộc điều chỉnh của pháp luật môi trường đối với hoạt động ĐTM.

2.2.1. Ưu điểm

Việc thiết lập hành lang pháp lý đối với các dự án có ứng dụng công nghệ AI trong sản xuất đã được bảo đảm thông qua yêu cầu thực hiện ĐTM. Điều này có thể lý giải bởi trên thực tế, một số nhóm dự án AI cần phải ĐTM có thể kể đến các dự án trong lĩnh vực sản xuất, giao thông và năng lượng. Các nhà máy sản xuất sử dụng AI để tối ưu hóa quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng, tuy nhiên, việc triển khai các hệ thống AI trong các dây chuyền sản xuất có thể gia tăng mức độ tiêu thụ năng lượng và tạo ra các tác động môi trường không mong muốn, như phát thải khí nhà kính và chất thải công nghiệp. Trong ngành giao thông, các dự án AI ứng dụng vào hệ thống giao thông thông minh hoặc phương tiện tự lái cần được ĐTM để xem xét ảnh hưởng của các công nghệ này đối với mức độ ô nhiễm và tiêu thụ nhiên liệu. Các dự án AI trong năng lượng, chẳng hạn như các trạm điện thông minh và hệ thống dự đoán tiêu thụ điện, cũng yêu cầu đánh giá tác động để đảm bảo rằng việc sử dụng công nghệ không gây hại đến môi trường tự nhiên, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm thiểu ô nhiễm.

Cụ thể, đối với các dự án bắt buộc phải thực hiện đánh giá sơ bộ tác động môi trường, quy trình nhận dạng và dự báo các tác động môi trường sẽ được thực hiện trên cơ sở phân tích quy mô, công nghệ sản xuất và địa điểm thực hiện dự án. Việc này không chỉ giúp dự án lựa chọn các phương án tối ưu trong thiết kế và vận hành mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường ngay từ giai đoạn đầu.

3) Điều 35 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
4) Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.
5) Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Đối với các dự án tiến hành ĐTM, quy trình báo cáo trở nên chi tiết hơn, bao gồm việc nhận dạng, phân tích và đánh giá các tác động xấu tới môi trường ở từng khâu trong chuỗi hoạt động sản xuất. Đối với công nghệ AI, điều này bao hàm cả việc đánh giá công nghệ sử dụng, ví dụ như khả năng tiêu thụ năng lượng lớn tại các trung tâm dữ liệu hoặc nguy cơ phát sinh các loại chất thải điện tử từ phần cứng AI. Những tác động này cần được xem xét toàn diện, không chỉ dựa trên yếu tố trực tiếp mà còn cả các ảnh hưởng gián tiếp như việc khai thác tài nguyên để sản xuất phần cứng hoặc phát thải khí nhà kính từ việc vận hành hệ thống.

Đối với các dự án có khả năng phát sinh bụi, khí thải, nước thải hoặc chất thải nguy hại, pháp luật hiện hành quy định rõ ràng hai cơ chế quản lý thông qua việc cấp giấy phép môi trường hoặc thực hiện đăng ký môi trường. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các dự án ứng dụng công nghệ AI, nơi có thể phát sinh khí nhà kính từ các hệ thống máy móc tiêu thụ năng lượng cao hoặc các chất thải điện tử phức tạp từ việc nâng cấp và thải bỏ thiết bị phần cứng. Những vấn đề này không chỉ đặt ra thách thức trong quản lý môi trường mà còn yêu cầu sự đổi mới trong các tiêu chí kỹ thuật của ĐTM, nhằm đảm bảo rằng tất cả các yếu tố công nghệ, bao gồm AI, được đánh giá một cách toàn diện và phù hợp.

2.2.2. Nhược điểm

Trong bối cảnh phát triển kinh tế và công nghệ nhanh chóng, các tiêu chí phân loại hiện nay chưa bao quát đầy đủ các tác động tiềm tàng từ những dự án có ứng dụng công nghệ AI vào sản xuất.

Thứ nhất, dưới góc nhìn của Luật BVMT năm 2020 và Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, "công nghệ áp dụng" hiện chưa được xem là tiêu chí để phân loại các dự án trong ĐTM. Trong bối cảnh AI phát triển vượt bậc, việc kiểm soát và dự báo tác động của các hệ thống này đang gặp nhiều thách thức, đòi hỏi cần có những tiêu chí mới phù hợp hơn trong ĐTM, dựa trên loại hình và cách thức triển khai công nghệ AI. Thực tế cho thấy, mỗi loại mô hình AI có cơ chế hoạt động khác nhau, dẫn đến mức độ tác động khác nhau đến môi trường. Ví dụ, các mô hình AI sử dụng máy học hoặc học sâu thường đòi hỏi lượng dữ liệu khổng lồ và tiêu thụ năng lượng cao, đặc biệt khi được triển khai trên các trung tâm dữ liệu lớn. Điều này làm gia tăng lượng khí thải carbon và các tác động môi trường liên quan. Trong khi đó, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 tại Việt Nam lại chỉ phân loại dự án tập trung chủ yếu vào quy mô và tính chất dự án, chưa đặt trọng tâm vào các công nghệ cụ thể như AI. Điều này dẫn đến việc các dự án ứng dụng AI, vốn có đặc thù về tiêu thụ tài nguyên và năng lượng lớn, chưa được đánh giá đầy đủ về tác động môi trường.

Thứ hai, nhóm danh mục dự án chưa bao quát hết các dự án đầu tư và sản xuất có ứng dụng AI. Các quy định pháp lý hiện hành vẫn chỉ dựa trên việc phân loại ngành, nghề, lĩnh vực truyền thống được quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Điều này dẫn đến những hạn chế trong việc kiểm soát tác động đặc thù của công nghệ AI đối với môi trường. Trước hết, bản thân mỗi loại mô hình AI có cơ chế vận hành khác nhau, từ đó dẫn đến mức độ tiêu thụ năng lượng và phát thải ra môi trường khác nhau. Trong khi đó, pháp luật hiện nay chưa thiết lập cơ chế đánh giá các công nghệ AI theo mức độ tiêu thụ tài nguyên hay phát thải, điều này khiến các tác động môi trường tiềm tàng của AI chưa được nhận diện và xử lý đầy đủ trong quá trình ĐTM. Ngoài ra, AI đang được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, không chỉ giới hạn trong các ngành nghề truyền thống như công nghiệp, xây dựng hay nông nghiệp mà còn mở rộng sang các lĩnh vực khác như quản lý đô thị, giáo dục, và y tế. Điều này khiến việc phân loại dự án đầu tư như hiện nay trở nên không còn phù hợp, đặc biệt khi xét đến khả năng kiểm soát các tác động môi trường từ công nghệ AI. Hơn nữa, việc tiếp cận theo ngành nghề truyền thống trong ĐTM có thể dẫn đến xu hướng các chủ đầu tư xem xét công nghệ AI sử dụng trong dự án chỉ như một phần phụ trợ, thay vì đánh giá đầy đủ vai trò và tác động của nó trong tổng thể dự án. Điều này dẫn đến khả năng các tác động môi trường đặc thù từ AI bị bỏ qua hoặc đánh giá không chính xác. Chính việc thiếu các tiêu chí cụ thể về đánh giá công nghệ AI đã làm giảm hiệu quả của các biện pháp kiểm soát và phòng ngừa tác động tiêu cực đến môi trường.

Có thể thấy rằng, pháp luật hiện hành có thể điều chỉnh tương đối việc phòng ngừa các tác động tiêu cực của AI thông qua nghĩa vụ ĐTM của các chủ đầu, song các quy phạm hiện hành vẫn chứa đựng nhiều khoảng trống. Nguyên nhân xuất phát từ việc chưa hầu hết pháp luật các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, chưa có một khung pháp luật chung điều chỉnh các vấn đề pháp lý về AI [4]. Cần biết rằng, với tính đặc thù của AI là có thể gây các tác động tiêu cực tới môi trường ở bất kỳ giai đoạn, từ sản xuất đến vận hành, ứng dụng trên thực tế, vì vậy sự thiếu sót trong việc đánh giá đầy đủ các chỉ số, thông số về mức phát thải hay mức độ tiêu thụ năng lượng dẫn đến hoạt động ĐTM với các dự án liên quan đến AI không được bảo đảm theo khung pháp luật hiện hành.

2.3. Định hướng hoàn thiện quy định pháp luật về hoạt động đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư liên quan đến trí tuệ nhân tạo

Trước những hạn chế đã được phân tích, việc hoàn thiện pháp luật nhằm đảm bảo kiểm soát hiệu quả các tác động tiêu cực của AI đối với môi trường là một yêu cầu cấp thiết. Cụ thể, các giải pháp hoàn thiện cần được xây dựng một cách đồng bộ và phù hợp với thực tiễn phát triển công nghệ, như sau:

2.3.1. Cần xây dựng một bộ quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường về thông số, chỉ số đối với hoạt động sản xuất, vận hành, ứng dụng AI. Đây là căn cứ quan trọng để các chủ dự án đầu tư khi thực hiện các dự án đánh giá được chính xác nguy cơ gây nên các tác động tiêu cực tới môi trường khi sản xuất, ứng dụng AI trong chu trình của mình. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn môi trường cụ thể cần bao gồm các quy định về hàm lượng của chất ô nhiễm có trong nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, thiết bị, sản phẩm, hàng hoá có ứng dụng, sử dụng AI. Thêm vào đó cũng cần phải ban hành các quy chuẩn kỹ thuật môi trường để kiểm soát chặt chẽ giới hạn thông số trong chất thải từ AI, đồng thời đặt ra các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý cụ thể cần tuân thủ đối trong quá trình nghiên cứu, sử dụng, ứng dụng AI.

2.3.2. Xây dựng danh mục phân loại dự án đầu tư sản xuất, vận hành, ứng dụng AI căn cứ vào quy mô, loại mô hình AI được áp dụng. Xây dựng danh mục này, các nhà làm luật có thể căn cứ vào cách phân loại AI Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của Liên minh Châu Âu[6], hoặc Tiêu chuẩn quốc gia về AI - TCVN 13902:2023, TCVN 13903:2023 cũng như tham khảo ý kiến của các chuyên gia, chủ thể sản xuất AI đối với quy mô, công suất của các mô hình nhằm bảo đảm tính thống nhất giữa pháp luật điều chỉnh về AI nói chung và pháp luật điều chỉnh AI trong lĩnh vực môi trường.

2.3.3. Đối với nghĩa vụ ĐTM của các chủ dự án đầu tư, bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nội dung theo pháp luật hiện hành, cần thiết thực hiện nghĩa vụ tham vấn bắt buộc đối với các cá nhân, tổ chức nghiên cứu, sản xuất AI khi thực hiện dự án đầu tư có ứng dụng AI. Hiện nay, pháp luật môi trường mới chỉ quy định đối tượng bắt buộc tham vấn gồm cá nhân, cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi tác động môi trường cũng như cơ quan, tổ chức liên quan trực tiếp đến dự án đầu tư[7]. Trong khi đó,với các dự án chỉ ứng dụng công nghệ AI, rất khó xác định được mức phát thải cũng như tiêu thụ năng lượng nếu không có tham vấn của những chủ thể trực tiếp sản xuất, nghiên cứu ra chúng. Đồng thời, với một số loại mô hình AI như Chat GPT hay Gemini, tác động tiêu cực có thể không diễn ra tại nơi trực tiếp thực hiện dự án đầu tư mà tại nơi có máy chủ, chính vì vậy, nghĩa vụ tham vấn đối với các cá nhân, tổ chức sản xuất, nghiên cứu AI là hoạt động vô cùng quan trọng, nhằm đánh giá đúng nguy cơ tác động tới môi trường của các dự án.

Xem tiếp trang 257

6) Tham khảo Điều 5, 6; Chương V (Điều 51 - 56) Đạo luật Trí tuệ nhân tạo của Liên minh Châu Âu năm 2024.
7) Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, sửa đổi bổ sung bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP